ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
QUATEST 3®
Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - E-mail: info@quatest3.com.vn - Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: ⊙ No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam ⊙ C5 lot, D1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai ward, HCMC, Vietnam ⊙ 1196 3/2 street, Binh Thoi ward, HCMC, Vietnam

Q326A059916 (MTTN26008271.03.1) (MT.2026.03279/3)	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** ***TEST REPORT***	04/06/2026 Trang/ *Page:* 1/2

1. Tên mẫu : **NƯỚC THẢI ĐẦU RA NHÀ MÁY XLNT.TT DỆT MAY VÀ CN HỖ TRỢ K7-1**
Thời gian lấy mẫu: 8h00, 22/05/2026

2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp
- Dạng mẫu: lỏng
- Dụng cụ chứa: bình nhựa
- Số đơn vị/mẫu: 5 L

3. Số lượng mẫu : 01

4. Ngày nhận mẫu : 25/05/2026

5. Thời gian thử nghiệm : 25/05/2026 - 04/06/2026

6. Nơi gửi mẫu : **CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP THÀNH THÀNH CÔNG**
Khu phố An Hội, Phường Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ★ TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3 ★ ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA

Phan Thanh Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - E-mail: info@quatest3.com.vn - Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam C5 lot, D1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai ward, HCMC, Vietnam 196 3 Street, Binh Thoi ward, HCMC, Vietnam

Q326A059916
(MTTN26008271.03.1)
(MT.2026.03279/3)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

04/06/2026

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện
7.1	Hàm lượng dầu mỡ khoáng (hydrocacbon) (1)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	KPH	1,4

Ghi chú:

- (1): Các chỉ tiêu được chứng nhận VIMCERTS 078
- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- KPH: Không phát hiện

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
QUATEST 3®
Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - E-mail: info@quatest3.com.vn - Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam C5 lot, D1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai ward, HCMC, Vietnam 1196 3/2 street, Binh Thoi ward, HCMC, Vietnam

Q326A059916 (MTTN26008271.03.2) (MT.2026.03279/3)	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** *TEST REPORT*	04/06/2026 Trang/ *Page:* 1/8

1. Tên mẫu : **NƯỚC THẢI ĐẦU RA NHÀ MÁY XLNT.TT DỆT MAY VÀ CN HỖ TRỢ K7-1**
Thời gian lấy mẫu: 8h00, 22/05/2026

2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp
- Dạng mẫu: lỏng
- Dụng cụ chứa: bình nhựa
- Số đơn vị/mẫu: 5 L

3. Số lượng mẫu : 01

4. Ngày nhận mẫu : 25/05/2026

5. Thời gian thử nghiệm : 25/05/2026 - 04/06/2026

6. Nơi gửi mẫu : **CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP THÀNH THÀNH CÔNG**
Khu phố An Hội, Phường Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ★ TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3 ★ ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA

Phan Thanh Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện	Mức chất lượng
7.1	Hàm lượng amoni (NH_4^+ tính theo N) (1)	mg/L	TCVN 5988:1995	2,5	-	≤ 5,0
7.2	Hàm lượng asen (As) (1)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,005	≤ 0,05
7.3	Hàm lượng cadmi (Cd) (1)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,005	≤ 0,02
7.4	Hàm lượng chì (Pb) (1)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	≤ 0,1
7.5	Hàm lượng chất hoạt động bề mặt anion (1)	mg/L	TCVN 6336:1998	KPH	0,25	≤ 3,0
7.6	Hàm lượng clo dư / Tổng clo dư.	mg/L	TCVN 6225-2:2021	KPH	0,05	≤ 1,0
7.7	Hàm lượng clorua (Cl^-) (1)	mg/L	SMEWW 4110B:2023	315	-	≤ 500
7.8	Hàm lượng crom VI (Cr^{6+}) (1)	mg/L	SMEWW 3500 Cr B:2023	KPH	0,004	≤ 0,1
7.9	Hàm lượng dầu mỡ động thực vật (1)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	KPH	1,4	≤ 5,0
7.10	Hàm lượng florua (F^-) (1)	mg/L	SMEWW 4110B:2023	< 0,6 (LOQ)	0,2	≤ 3,0
7.11	Hàm lượng kẽm (Zn) (1)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,05	≤ 1,0
7.12	Hàm lượng mangan (Mn) (1)	mg/L	US EPA 200.8	0,12	-	≤ 2,0
7.13	Hàm lượng niken (Ni) (1)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,02	≤ 0,1
7.14	Hàm lượng nitơ tổng (1)	mg/L	TCVN 6638:2000	19,7	-	≤ 20
7.15	Hàm lượng pentachlorophenol (1)	µg/L	US EPA 1653	KPH	0,1	≤ 0,001
7.16	Hàm lượng sunfua (S^{2-}) (1)	mg/L	SMEWW 4500 S^{2-}B&D:2023	KPH	0,01	≤ 0,2
7.17	Hàm lượng sắt (Fe) (1)	mg/L	US EPA 200.8	< 0,10 (LOQ)	0,05	≤ 2,0

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - E-mail: info@quatest3.com.vn - Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: ⊙ No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam ⊙ C5 lot, D1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai ward, HCMC, Vietnam ⊙ 1196 3/2 street, Binh Thoi ward, HCMC, Vietnam

Q326A059916
(MTTN26008271.03.2)
(MT.2026.03279/3)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

04/06/2026

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện	Mức chất lượng
7.18	Hàm lượng thiếc (Sn) (1)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,05	≤ 0,5
7.19	Hàm lượng thủy ngân (Hg) (1)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0002	≤ 0,001
7.20	Hàm lượng tổng chất rắn lơ lửng (TSS) (1)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	< 5,0 (LOQ)	2	≤ 30
7.21	Hàm lượng tổng crom (Cr) (1)	mg/L	US EPA 200.8	< 0,01 (LOQ)	0,005	≤ 0,5
7.22	Hàm lượng xyanua tổng (CN^-) (1)	mg/L	TCVN 6181:1996	KPH	0,01	≤ 0,2
7.23	Hàm lượng đồng (Cu) (1)	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,05	≤ 1,0
7.24	Nhu cầu oxy hóa học (COD) (1)	mg/L	SMEWW 5220D:2023	40,5	-	≤ 60
7.25	Nhu cầu oxy sinh hóa sau 5 ngày (BOD_5) (1)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	12,3	-	≤ 30
7.26	Tổng phenol/ chỉ số phenol (1)	mg/L	TCVN 6216:1996	KPH	0,015	≤ 1,0
7.27	Tổng phospho (P) (1)	mg/L	US EPA 200.7	0,27	-	Mục 4. Bảng 2 cột A
7.28	Độ màu (1)	Pt.Co	TCVN 6185(C):2015	37	-	≤ 50
7.29	Độ pH	-	TCVN 6492:2011	7,9	-	6 - 9
7.30	Dư lượng polychlorinated biphenyls (PCBs) (1)	mg/L	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8270E	-	-	≤ 0,003
7.30.1	PCB 101 (1)	mg/L	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8270E	KPH	0,00005	-

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - Email: info@quatest3.com.vn - Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam C5 lot, D1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai ward, HCMC, Vietnam 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam

Q326A059916
(MTTN26008271.03.2)
(MT.2026.03279/3)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

04/06/2026

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện	Mức chất lượng
7.30.2	PCB 138 (1)	mg/L	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8270E	KPH	0,00005	-
7.30.3	PCB 153 (1)	mg/L	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8270E	KPH	0,00005	-
7.30.4	PCB 180 (1)	mg/L	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8270E	KPH	0,00005	-
7.30.5	PCB 28 (1)	mg/L	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8270E	KPH	0,00005	-
7.30.6	PCB 52 (1)	mg/L	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8270E	KPH	0,00005	-
7.31	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật họ chlor hữu cơ (1)	mg/L	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8270E	-	-	≤ 0,05
7.31.1	Hàm lượng aldrin (1)	mg/L	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8270E	KPH	0,0001	-
7.31.2	Hàm lượng dichloro diphenyl trichloroethane (DDTs) (1)	mg/L	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8270E	-	-	-

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

Q326A059916
(MTTN26008271.03.2)
(MT.2026.03279/3)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

04/06/2026

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện	Mức chất lượng
7.31.2.1	Hàm lượng 4,4'-DDD (1)	mg/L	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8270E	KPH	0,0003	-
7.31.2.2	Hàm lượng 4,4'-DDE (1)	mg/L	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8270E	KPH	0,0003	-
7.31.2.3	Hàm lượng 4,4'-DDT (1)	mg/L	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8270E	KPH	0,0003	-
7.31.3	Hàm lượng dieldrin (1)	mg/L	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8270E	KPH	0,0001	-
7.31.4	Hàm lượng heptachlor và heptachlor epoxide (1)	-	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8270E	-	-	-
7.31.4.1	Hàm lượng heptachlor (1)	mg/L	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8270E	KPH	0,0001	-
7.31.4.2	Hàm lượng heptaclo epoxit (1)	mg/L	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8270E	KPH	0,0001	-
7.31.5	Hàm lượng γ-HCH (lindan) (1)	mg/L	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8270E	KPH	0,0001	-

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

Q326A059916
(MTTN26008271.03.2)
(MT.2026.03279/3)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

04/06/2026

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện	Mức chất lượng
7.32	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật họ phospho hữu cơ (1)	mg/L	US EPA 3510C & US EPA 3620C & US EPA 8270E	-	-	≤ 0,3
7.32.1	Diazinon (1)	mg/L	US EPA 3510C & US EPA 3620C & US EPA 8270E	KPH	0,0001	-
7.32.2	Disulfoton (1)	mg/L	US EPA 3510C & US EPA 3620C & US EPA 8270E	KPH	0,0001	-
7.32.3	Parathion ethyl (parathion) (1)	mg/L	US EPA 3510C & US EPA 3620C & US EPA 8270E	KPH	0,0001	-
7.32.4	Parathion methyl (1)	mg/L	US EPA 3510C & US EPA 3620C & US EPA 8270E	KPH	0,0001	-
7.32.5	Phorate (1)	mg/L	US EPA 3510C & US EPA 3620C & US EPA 8270E	KPH	0,0001	-
7.32.6	Phosphamidon (1)	mg/L	US EPA 3510C & US EPA 3620C & US EPA 8270E	KPH	0,0001	-
7.33	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật họ phospho hữu cơ (1)	mg/L	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8321B	-	-	≤ 0,3

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

Q326A059916
(MTTN26008271.03.2)
(MT.2026.03279/3)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

04/06/2026

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Giới hạn phát hiện	Mức chất lượng
7.33.1	Dimethoate (1)	mg/L	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8321B	KPH	0,01	-
7.33.2	Methamidophos (1)	mg/L	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8321B	KPH	0,01	-
7.33.3	Monocrotophos (1)	mg/L	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8321B	KPH	0,01	-
7.33.4	Trichlorfon (1)	mg/L	US EPA 3510C & US EPA 3630C & US EPA 8321B	KPH	0,01	-
7.34	Coliforms (1)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	$<1,8^{(d)}$	-	≤ 3000

Ghi chú:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 40:2025/BTNMT, F > 2000 Cột A
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia
- (1): Các chỉ tiêu được chứng nhận VIMCERTS 078
- US EPA: United States Environmental Protection Agency
- Mục 4. Bảng 2 cột A: Theo QCVN 40:2025/BTNMT Bảng 2, Cột A: Mục 4.1 Nguồn nước tiếp nhận là hồ, ao, đầm (gọi chung là hồ): ≤ 2,0; Mục 4.2 Nguồn nước tiếp nhận là sông, suối, khe, kênh, mương, rạch (gọi chung là sông), vùng nước biển: Áp dụng đối với dự án đầu tư, cơ sở thuộc các loại hình nuôi trồng thuỷ sản, chế biến thủy sản, chế biến tinh bột sắn và chế biến mủ cao su thiên nhiên: ≤ 8,0; Mục 4.3 Nguồn nước tiếp nhận là sông, vùng nước biển: Áp dụng đối với dự án đầu tư, cơ sở không thuộc trường hợp quy định tại số thứ tự 4.2 Bảng 2 ≤ 4,0
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - E-mail: info@quatest3.com.vn - Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Tran Bien ward, Dong Nai, Vietnam C5 lot, D1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai ward, HCMC, Vietnam 1B/3/2 street, Binh Thoi ward, HCMC, Vietnam

Q326A059916 (MTTN26008271.03.2) (MT.2026.03279/3)	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** ***TEST REPORT***	04/06/2026 Trang/ *Page:* 8/8

- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia
- KPH: Không phát hiện
- [d]: Kết quả được biểu thị "< 1,8 MPN/ 100 mL" khi không có ống dương tính trong ba dãy ống pha loãng liên tiếp
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử
- MPN: Số có xác suất lớn nhất

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.